

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 52/2019/HSPT

Ngày: 06-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Đình Thanh

Ông Nguyễn Hữu Đăng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bai – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 47/2019/TLPT-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 do có kháng cáo của bị cáo Trương Tú C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXPT-HS ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Trương Tú C (Tên gọi khác: X) – sinh năm 1977 tại Khánh Hòa. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Số 116/6 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Trương Văn H (Sinh năm 1950) và bà Lê Thị G (Sinh năm 1956); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 13 ngày 22/11/1997 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 05 năm về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Bản án số 91/HSST ngày 10/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 06 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/2003.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Dương Ngọc Q không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 14/5/2018, trên đường đi bộ về nhà, khi đến trước nhà số 86 đường Đ, phường P, thành phố N, Dương Ngọc Q thấy 01 chiếc xe máy hiệu SYM Angela VCA, màu trắng, biển kiểm soát 79N1-141.76, không khóa cò xe, đang dựng trước sân nơi tập kết vật liệu xây dựng (xe máy của bà Lê Thị H là chủ Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Tấn Tài cho con gái là Nguyễn Trúc M sử dụng) nhưng không có người trông giữ nên Q đến dắt trộm chiếc xe đem về nhà cất giấu. Sáng hôm sau, Q đem xe đi sơn màu đen, mài phá số khung, tháo biển kiểm soát 79N1-141.76 vứt bỏ rồi gắn biển kiểm soát 79N2-218.02 (đã nhặt được trước đó) vào chiếc xe này và đi làm chìa khóa để sử dụng, nhằm tránh bị chủ xe phát hiện.

Chiều ngày 16/5/2018, tổ công tác thuộc Đội CSĐT tội phạm về ma túy thuộc Công an thành phố N phát hiện Dương Ngọc Q có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy nên đã kiểm tra giấy tờ tùy thân và đưa Q cùng chiếc xe máy đang sử dụng về trụ sở Công an làm việc. Tại cơ quan điều tra, Dương Ngọc Q khai nhận chiếc xe máy nêu trên là tài sản Q đã trộm cắp được tại nhà số 86 đường Đ, phường P, thành phố N vào ngày 14/5/2018. Ngoài ra, Q còn khai nhận đã cùng với Trương Tú C thực hiện 02 vụ trộm cắp xe máy khác trên địa bàn thành phố N. Cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 05/4/2018, C điều khiển xe máy hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở Q đi tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà số 50B Đ, phường P, thành phố N thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda Super Dream, màu nâu, biển kiểm soát 79N9-7309 của anh Dương Xuân Chép đang dựng trước nhà, anh Chép đang ngủ bên cạnh để trông giữ vật liệu xây dựng. Q đi đến dắt trộm chiếc xe máy trên để C điều khiển xe máy Yamaha Sirius đẩy xe máy Honda Super Dream do Q điều khiển đến khu vực ngã ba đường 2/4 với đường Nguyễn Phong Sắc. Sau đó, C liên lạc và bán chiếc xe trên cho đối tượng nam thanh niên tên thường gọi là Minh T với giá 3.000.000đ rồi chia nhau tiêu xài.

Vụ 2: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 06/4/2018, C điều khiển xe máy hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số) chở Q đi tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực Hòn Rớ 2, xã Đ, thành phố N thì phát hiện chiếc xe máy hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển số 79H2-8684 của anh Nguyễn Tấn P đang quản lý, sử dụng để trước sân Khách sạn Nhật Lệ 2, tại địa chỉ: Ô 98, lô 2, Hòn Rớ. Q đi đến dắt trộm chiếc xe máy trên, C đứng ngoài cảnh giới rồi điều khiển xe máy Yamaha Sirius đẩy xe máy Honda AirBlade do Q điều khiển đến khu vực ngã ba đường 2/4

với đường Nguyễn Phong S để C liên lạc và bán cho Minh T với giá 6.000.000đ rồi chia nhau tiêu xài.

Bản kết luận định giá tài sản số 193/HĐĐG ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N xác định:

“1. Chiếc xe máy hiệu Honda Super Dream, biển kiểm soát 79N9-7309, chất lượng 20%, có giá trị 3.280.000 đồng;

2. Chiếc xe máy hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 79H2-8684, chất lượng 20%, có giá trị 8.000.00 đồng;

3. Chiếc xe máy hiệu SYM Angela VCA, màu trắng, biển kiểm soát 79N1-141.76, chất lượng 33%, có giá trị 5.247.000 đồng”.

Ngày 06/9/2018, Trương Tú C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi phạm tội khác. Quá trình điều tra, Trương Tú C khai nhận đã cùng với Dương Ngọc Q thực hiện 02 vụ trộm cắp xe máy nêu trên. Hiện nay, C đã bị khởi tố, đang bị tạm giam trong vụ án khác.

Qua truy xét, cơ quan điều tra xác định và ghi lời khai đối tượng có tên Trần Anh M (tên gọi khác là Minh T) nhưng M không thừa nhận có hành vi mua 02 chiếc xe máy (hiệu Honda Super Dream, biển kiểm soát 79N9-7309 và hiệu Honda AirBlade, biển số 79H2-8684) như lời khai của Trương Tú C.

Vật chứng: 01 chiếc xe máy hiệu SYM Angela, màu đen (có số khung: RLGMD11CDBD005650, số máy: VMVCAAD005650) gắn biển số 79N2-218.02.

Bản án số 07/2019/HS-ST ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N đã: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Tú C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, trách nhiệm dân sự, vật chứng và quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại.

Ngày 29/01/2019 bị cáo Trương Tú C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Tú C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Tú C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trương Tú C trong thời hạn luật định là hợp lệ, nên cần được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Tú C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như án sơ thẩm đã xét xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cũng như kết quả thẩm vấn công khai tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm. Như vậy, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sở hữu công dân nhiều lần; Về nhân thân bị cáo đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu và tính mạng sức khỏe của người khác, nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Tú C; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2019/HS-ST ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trương Tú C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Trương Tú C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND, VKSND thành phố N;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Bị cáo;
- Lưu án văn, hồ sơ, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Đường